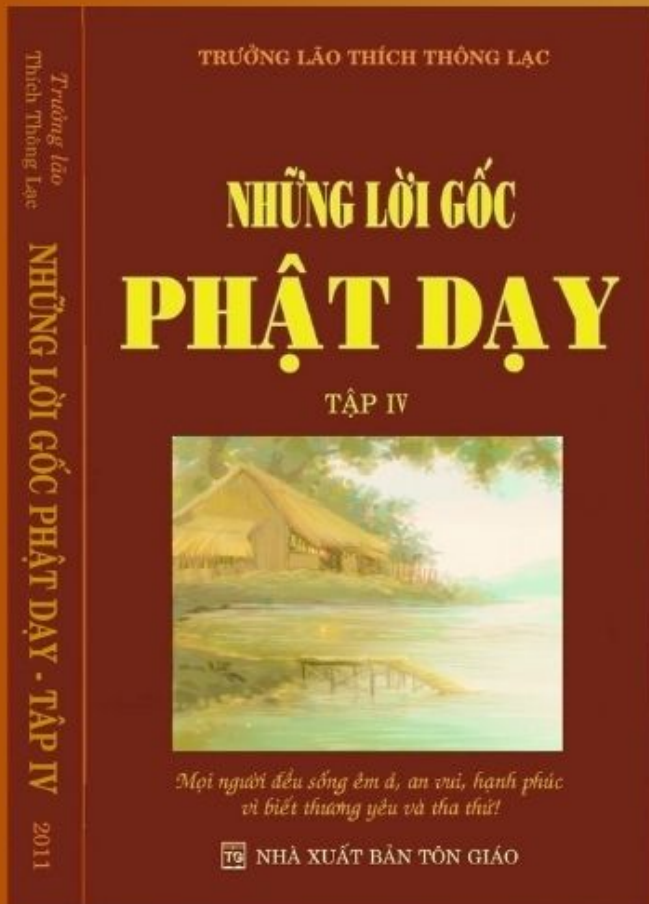
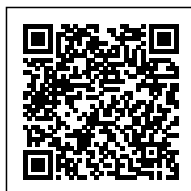


NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY - TẬP 4 - PHẦN 3



TẬP 4 - PHẦN 3



Đức Phật dạy: **“Thuở xưa và nay, này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều”**. Thuở xưa có nghĩa là lúc mới bắt đầu tu tập đức Phật cũng phải tu tập an trú chỗ bất động tâm này. Đến nay khi tu tập đã xong đức Phật cũng bảo: **“Nên nay an trú rất nhiều”**. An trú rất nhiều tức là luôn luôn đức Phật sống

với tâm bất động khi đã tu chứng đạo.

Tiếp theo: Những lời gốc Phật dạy - Tập 4 - Phần 2

KINH SÁCH ĐẠI THỪA KHÔNG PHẢI PHẬT THUYẾT

LỜI PHẬT DẠY

**“Này các Tỳ kheo! Có thể có Tỳ kheo nói:
“Này Hiền giả, tôi tự thân nghe từ miệng
Thế Tôn, tự thân lãnh thọ như vậy là
pháp, như vậy là luật, như vậy là lời dạy
của vị Đạo sư”. Này các Tỳ kheo, các
Người không nên tán thán, không nên hủy
báng lời nói của Tỳ kheo ấy. Không tán
thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi
mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng
và đem so sánh với kinh, đối chiếu với
luật. Khi đem so sánh với kinh đối chiếu
với luật, nếu chúng không phù hợp với
kinh, không tương ưng với luật thì các
người có thể kết luận: “Chắc chắn những
lời này không phải là lời của Thế Tôn và Tỳ
kheo ấy đã thọ giáo sai lầm”.
Và này các Tỳ kheo, các người hãy từ bỏ
chúng; khi đem so sánh với kinh, đem đối
chiếu với luật và nếu chúng phù hợp với
kinh, tương ưng với luật, thì các Người có
thể kết luận: “Chắc chắn những lời dạy
này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỳ kheo
ấy đã thọ giáo chơn chánh”. Này các Tỳ
kheo như vậy là đại giáo pháp thứ nhất,
các người hãy thọ trì”.**

(Kinh Trường Bộ tập 1 trang 618, kinh Đại Bát
Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Trước khi vào Niết Bàn đức Phật đã biết chắc người đời sau sẽ kiến giải, tưởng giải làm sai lệch giáo pháp của mình, nên Ngài đã di chúc lại những lời sau cùng này để chúng ta cẩn thận đối chiếu với kinh sách Nguyên Thủy và kinh sách Đại Thừa, Khi đối chiếu chúng ta mới nhận xét kinh sách Nguyên Thủy dạy đạo đức làm Người làm Thánh, đó là **“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”** hoặc **“Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng thiện pháp”**, còn kinh

sách Đại Thừa dạy: **“Cúng bái cầu siêu, cầu an, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, ngối thiền ức chế tâm, lay hồng danh sám hối cho tiêu tội v.v..”**. Như vậy kinh sách Đại Thừa dạy mê tín, sống trong thế giới ảo tưởng (Niết Bàn, Cực Lạc Tây Phương).

Đem giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề của các Tổ ra đối chiếu với giới kinh của Phật, thì chúng ta thấy giới bốn không phù hợp, không tương ứng với giới kinh một bên thì ngăn cấm như pháp luật, không đúng với tinh thần tự giác, tự nguyện của đạo Phật. Còn giới kinh dạy đạo đức làm Người làm Thánh để tâm hoàn toàn vô lậu và đúng theo tinh thần tự giác tự nguyện không có bắt buộc, không có khuyến dụ, không có mua chuộc. Cho nên, giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề và kinh sách Đại Thừa chắc chắn không phải Phật thuyết, do các Tổ chịu ảnh hưởng kinh Vệ Đà của Bà La Môn biên soạn ra, nên không phù hợp và không tương ứng với những lời Phật dạy. Đúng vậy khi đem ra so sánh chúng ta thấy rằng kinh sách Đại Thừa không phải Phật thuyết 100%. Cho nên, những lời di chúc cuối cùng của đức Phật đã dạy chúng ta phải cân nhắc kỹ lưỡng để không bị những kiến giải, tưởng giải của các Tổ lường gạt. Như vậy, rõ ràng đức Phật đã biết trước, sau này các Tổ sẽ làm sai lệch kinh sách Phật, cho nên Ngài đã chuẩn bị cho người đời sau còn có chỗ dựa vững chắc để loại trừ những tà pháp của ngoại đạo đang pha trộn trong giáo pháp Nguyên Thủy của Phật.

Đọc đoạn kinh này các bạn còn nghi ngờ chúng tôi nói kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông sai nữa không?

Những Giáo pháp phát triển sau thời đức Phật đều mang tính trừu tượng, mơ hồ, mê tín, ảo tưởng, không thực tế, nó được truyền thừa từ nước này sang nước khác, trong một thời gian khá dài trên 2000 năm. Cho nên, những kinh sách này được kết tập bởi những người tu hành chưa chứng đạo, thành một tạng kinh xô bồ không biết bài kinh nào tu trước, bài kinh nào tu sau. Trong khi giáo lý của Phật giáo được chia ra làm 8 lớp học và ba cấp rõ ràng, nó là một chương trình giáo dục đào tạo con người có đầy đủ đạo đức nhân bản - nhân quả, xây dựng lại cuộc sống của con người mà mọi người không còn làm khổ cho nhau nữa, biến thế gian này thành cảnh giới Thiên Đường, Cực Lạc.

Kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc Trường Bộ Kinh. Bốn lần đức Phật đã nhắc nhở chúng ta phải căn cứ vào những “Lời Phật Dạy” (trong kinh Nguyên Thủy), phải đối chiếu với luật và nếu không phù hợp với kinh, không tương ứng với luật của Phật thì chắc chắn kinh sách này không phải của Phật thuyết và những Tỳ kheo ấy đã tu tập giáo pháp sai lầm.

Do sự so sánh này chúng ta có thể xác định được các tu sĩ qua Giới đức, Giới hạnh, Giới hành nơi tứ sự hàng ngày của họ: Ăn, mặc, ở, đau bệnh và chùa chiềng cúng tế... thì biết chắc chắn là họ đã tu đúng Phật pháp hay chưa!

Các Thầy xa xưa người trước tu sai, người sau sai và người ngày nay cũng đều tu tập sai hết. Tu sai mà không ai biết để chỉ chỗ mình đã sai, nên kéo dài sai nhiều thế hệ. Thật đáng xót xa! Vì ai đã vào đường tu rồi lại chẳng quyết xả thân để tìm sự giải thoát là thân tâm được thanh thản, an lạc, vô sự! Nhưng thật oái oăm thay: Sợ ở ngoài đời bị vật chất ngũ dục lôi kéo đắm nhiễm - rối ren, bon chen, danh lợi. Nên tìm đến cửa chùa tu thời gian lên chức Trụ trì,

Thượng tọa, được thiên hạ cung phụng cúng dường là liền bị chùa to phật lớn, bốn đạo đưa đón, thỉnh mời, cầu siêu, cầu an, trai đàn, chẩn tế, suốt tháng quanh năm – rối rắm trăm bề..., thân tâm không có một phút giây thanh thản thì làm sao quý Thầy giải thoát được thân tâm có an lạc, vô sự!!!

Ngày nay, chúng tôi may mắn hơn đã tu tập từ con đường giới luật, xây dựng mình một nền đạo đức sống không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ cả hai. Nhờ thế chúng tôi ly dục ly ác pháp hoàn toàn và đã thành tựu con đường giải thoát của Phật giáo chân thật.

Sau khi tu hành xong, nhờ có kinh nghiệm trong tu hành. Chúng tôi căn cứ vào những lời của Phật dạy trong kinh nguyên thủy đem chú giải rõ đường lối tu hành đúng với Chánh pháp của đức Phật để đời sau không còn lầm lẫn những kinh sách tưởng giải của các nhà học giả đã biên soạn sau thời đức Phật nhập diệt, đưa vào tam tạng rồi mạo danh là kinh Phật thuyết để lừa đảo tín đồ Phật giáo. Do đó, các đời sau tu hành sai pháp và truyền thừa tu mãi cái sai, nên chẳng có Thầy Tổ nào làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Vì thế, khi tu hành chưa chứng đạo các Ngài kết tập kinh sách Phật không đủ khả năng soạn thảo chương trình giáo dục theo tám lớp (Bát Chánh Đạo), ba cấp (Giới, Định, Tuệ) nên kết tập kinh sách xô bồ không thứ lớp. Bài kinh trước, bài kinh sau không rõ ràng và không triển khai nổi giới đức, giới hạnh, giới hành cùng ba mươi bảy pháp hành không cụ thể, thực tế và rõ ràng như trên đã nói.

Đến ngày nay chúng tôi quyết định chấn chỉnh lại bộ giới luật đức hạnh Thánh Tỳ kheo Tăng, Thánh Tỳ kheo Ni và Thánh Cư sĩ. Sau cùng, nếu có đủ thời gian chúng tôi biên soạn giáo trình tu tập cho tám lớp (Bát Chánh Đạo) để thành lập chương trình giáo dục đào tạo bậc A La Hán (vô lậu).

Nhờ những bài kinh Nguyên Thủy này chúng tôi chỉ thẳng cho các bạn biết những kinh sách nào sai, từ chỗ sai đó chúng tôi mới dựng lại những gì của Phật giáo đã bị các nhà học giả sau này (không người tu chứng để triển khai nổi pháp của Phật) ném bỏ; nhờ những bài kinh này chúng tôi quyết định vạch trần những kiến chấp sai lầm của các học giả, để may ra các bạn giác ngộ được những lời dạy chân thật của Phật và xả bỏ những kiến chấp sai lầm của mình; nhờ những bài kinh này giúp các bạn sáng suốt để thấy những tưởng giải của các nhà học giả không tu đã làm hư hoại biết bao nhiêu thế hệ con người tu theo Phật giáo hiện nay; nhờ những bài kinh này chúng tôi chú giải các bạn mới thấy những lời chúng tôi là chân thật không dối người, không phỉ báng các Tổ, mà chỉ nói lên một sự thật cách đây trên 2000 năm chưa bao giờ có một người nào dám nói thẳng nói thật. Phải không các bạn?

Đây cũng là một nhân duyên, là một phước báo lớn của chúng sanh, cho các thế hệ mai sau. Vì vậy, hôm nay mới có một cuộc chấn chỉnh giáo pháp của Phật giáo vĩ đại như thế này.

Vì Phật pháp là một lợi ích rất lớn cho chúng sanh, nên chúng tôi không ngại gian khổ, quyết tâm làm cho bằng được. Nhưng sự thành công ấy đều phải nhờ sự đoàn kết của Tăng, Ni và Cư sĩ bốn phương. **“Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”**, chắc chắn cái đúng sẽ thắng cái sai, và cũng đến lúc cái sai phải được buông xuống. Phải không các

bạn?

Tóm lại, cái đúng không ai diệt nó được, nó sẽ được trường tồn với loài người mãi mãi.

TẠI SAO ĐỨC PHẬT BIẾT NẤM ĐỘC MÀ LẠI ĂN

LỜI PHẬT DẠY

***“Này Cunda ăn một nhĩ còn lại Người
hãy đem chôn vào một lỗ. Này
Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi
Trời cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm
thiên giới không một người nào
trong chúng Sa Môn và chúng Bà La
Môn giữa những Thiên Nhân, món ăn
một nhĩ này mà có thể tiêu hóa
được, trừ Như Lai”.***

(Kinh Trường Bộ tập 1 trang 624, kinh
Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta xét thấy có hai điều vô lý:

1- Người thợ rèn Cunda nấu món ăn một nhĩ chưa bao giờ ăn mà lại dám đem dâng cúng Phật và chúng Thánh Tăng. Đó là vô lý thứ nhất. Ai đã soạn câu này và viết vào kinh sách Nguyên Thủy để hủy báng Phật, Pháp, Tăng, để làm kinh sách Phật mất hết ý nghĩa chân thật của nó. Một sự giả dối không thể nào tha thứ được. Một món ăn chưa từng ăn mà dám cho người khác ăn, chỉ đó là món thuốc độc mà thôi.

2- Đạo Phật là đạo trí tuệ, chuyển nhân quả khi biết nắm độc mà ăn là không trí tuệ, nhất là đức Phật biết là nắm độc không cho chúng Tỳ kheo ăn mà mình lại ăn là điều vô lý thứ hai. Nhất là đức Phật là người đã thông suốt luật nhân quả. Luật nhân quả là một đạo luật được chuyển hóa bằng thiện pháp. Cuộc đời tu hành của Phật đã chứng đạo tức là Ngài đã sống toàn thiện. Người sống toàn thiện là người đã chuyển hoá được nhân quả. Cho nên, đối với thân nhân quả của đức Phật Ngài làm chủ hoàn toàn, muốn sống chết đều theo ý muốn của Ngài. Cho nên, Ngài dạy: ***“Này Ananda, những ai đã tu Bốn Thần Túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu Bốn Thần Túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”.*** (Kinh Trường Bộ tập I trang 586 kinh Đại Bát Niết Bàn). Đức Phật có đủ khả năng làm chủ nhân quả như vậy mà lại ăn nắm độc để chịu bệnh kiết lỵ ra máu mà chết, thì thật là một điều vô lý hết sức. Làm chủ nhân quả mà để cho nhân quả làm chủ mình thì thật là

vô lý. Đoạn kinh này là do người sau không biết luật nhân quả chuyển hóa; không thông năng lực của Tứ Thần Túc của Phật giáo, nên xen đoạn kinh này để che đậy sự tu hành không làm chủ sanh, già, bệnh, chết của mình đối với tín đồ **“*Chẳng muội nhân quả*”** chứ không làm chủ nhân quả được.

Theo chúng tôi biết chắc chắn đoạn kinh này là do các Tổ thêm vào để dựng lên thuyết nhân quả định mệnh, tức là nhân quả cố định không thay đổi được, đó là để chỉ rõ pháp môn Đại Thừa và Thiền Tông không làm chủ sanh, già, bệnh, chết, nó là một loại thiên ức chế tâm, chứ không phải là thiên xả tâm, vì thế càng tu càng chạy theo danh lợi và dục lạc thế gian.

Nếu đúng nhân quả là định mệnh thì đạo Phật không bao giờ tuyên bố làm chủ sanh, già, bệnh, chết, và không dạy người tu tập ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện. Vì không chuyển hóa được nhân quả nên đạo Phật không ra đời, vì ra đời có làm lợi ích gì cho ai.

Nếu đúng nhân quả định mệnh thì đạo Phật không bao giờ có pháp môn Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định.

Đối với đạo Phật do vô minh mà có nhân quả, thiện ác, khổ đau; do vô minh mà con người mới chạy theo dục mới tạo ra muôn vàn sự khổ đau. Vì thế, đạo Phật ra đời dạy người giới luật và trí tuệ: **“*Giới luật ở đâu thì trí tuệ ở đó, trí tuệ ở đâu thì giới luật ở đó. Giới luật làm thanh tịnh trí tuệ, trí tuệ làm thanh tịnh giới luật*”**. Đó là những đức hạnh bằng giới luật và tri kiến của con người làm chủ nhân quả theo đúng những pháp hành Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định. Các nhà học giả đã phỉ báng Phật trong đoạn kinh này và còn phỉ báng đệ tử của Ngài là ngài Mục Kiền Liên, một vị đệ tử đã tu chứng quả A La Hán có đầy đủ thần thông mà đức Phật thường ca ngợi ngài Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông thế mà bị ngoại đạo đánh chết thì không còn chỗ nào phỉ báng Phật, Pháp, Tăng hơn là kinh sách phát triển do các Tổ Bà La Môn khéo léo xen vào từng đoạn kinh Phật để xuyên tạc phá hoại chánh pháp của đức Phật.

Ở đây chúng tôi xin nhắc lại để thấy một sự vô lý hết sức: Người thợ rèn Cunda chưa bao giờ ăn nắm này, nếu đã ăn thì ông đã chết, vì là nắm độc như đức Phật đã nói: **“*Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa Môn và Bà La Môn giữa những Thiên Nhân, món ăn một nhĩ này mà có thể tiêu hóa được*”**.

Khi một món ăn chưa bao giờ mọi người ăn mà đức Phật dạy: **“*Này Cunda, loại một nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta, còn các món ăn khác đã soạn sẵn loại cứng loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỳ kheo*”**.

Nếu người thợ rèn Cunda nghe lời dạy này thì phải nghi ngờ và tự hỏi: **“*Tại sao Phật không cho chúng Tỳ kheo ăn thứ một nhĩ này?*”**. Khi đã có câu hỏi như vậy thì Cunda liền đem món đồ ăn này xem lại.

Khi nghe đức Phật nói như vậy, Ông ta lại dọn món ăn một nhĩ này chỉ có đức Phật ăn mà thôi, thì thật là vô lý. Đây là sự vô lý không thể tha thứ được. Có đúng như vậy không các bạn?

Về phần đức Phật là một người tượng trưng cho trí tuệ, Ngài dựng lên nền đạo đức nhân bản - nhân quả, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai mà lại ăn nắm độc để làm khổ mình và gây hoang mang dao động cho chúng Tỳ kheo, nhất là làm cho người thợ rèn Cunda sẽ ăn năn hối hận suốt đời, nếu biết đức Phật vì thợ thực nắm của ông cúng dường mà chết.

Trong khi đức Phật có đủ khả năng tự tại trong sanh tử, muốn chết hồi nào là chết được ngay liền, chết trong khi thân không có một chút bệnh khổ. Chính đức Phật là người chết không vì bệnh đau mới đúng nghĩa của đạo giải thoát. Cho nên ở đây, người đời sau đã thêm vào những đoạn kinh làm mất ý nghĩa giải thoát của Tứ Niệm Xứ.

Điều vô lý nhất là đức Phật biết nắm độc mà lại ăn vào chết trong đau bệnh kiết lỵ ra máu. Bệnh kiết lỵ ra máu trong tuổi già như Phật thì khổ sở biết là dường bao.

Cho nên, thật vô lý đạo Phật là đạo tự tại trong sanh tử, cứ sao đức Phật lại phải ăn nắm độc để bệnh rồi chết, chết một cách đau khổ như vậy? Mục đích đạo Phật ra đời là giúp cho con người sống chết tự tại an vui, chết không phải vì bệnh. Vậy ai là người đã viết đoạn kinh này, người ấy phải chịu những tội lỗi rất lớn đối với Phật giáo.

Đạo Phật vốn không làm khổ mình, khổ người, sao Phật lại làm khổ Phật, làm khổ người như vậy? Thì nền đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người của Phật giáo đâu còn có nghĩa gì đối với người đời sau nữa. Đây là một đoạn kinh mà các Tổ dùng để diệt Phật giáo. Các bạn có biết không?

Điều vô lý thứ hai là đức Phật, một người có đại trí tuệ, đại giác ngộ. Đại trí tuệ, đại giác ngộ sao lại ăn nắm độc để bệnh mà chết, thì trí tuệ đó đâu còn là trí tuệ nữa, nó là vô minh. Phải không các bạn?

Các bạn bảo rằng đó là nghiệp nhân quả đời trước của đức Phật, ngày nay đức Phật phải trả. Các bạn đừng nói vậy, nói như vậy là các bạn không hiểu đạo Phật. Đạo Phật là đạo chuyển nhân quả như trên đã nói. Do chuyển nhân quả mới làm chủ được sanh, già, bệnh, chết,

Chuyển nhân quả nên đức Phật mới có đầy đủ trí tuệ thấy biết loại mộc nhĩ ăn vào sẽ chết, cho nên, mới cản ngăn không cho chúng Tăng ăn.

Tại sao đức Phật không bảo Cunda bỏ những thực phẩm có nắm độc này đừng cho mọi người ăn trong đó có cả đức Phật. Chỉ cần bảo như vậy thì đức Phật mới là người trí tuệ và thể hiện đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai.

Tu như Phật đã làm chủ được nhân quả, làm chủ được đau bệnh. Như đoạn kinh trên nói đức Phật đau gần như chết, thế mà đức Phật đẩy lui được bệnh khổ ra khỏi thân trong sức tỉnh giác chánh niệm của pháp môn Tứ Niệm Xứ. Làm chủ bệnh được như vậy, thế mà món thực phẩm nấu với loại nắm độc này không đổ bỏ đi được sao?

Người tu hành chưa chứng đạo đọc đến đoạn kinh này họ có nhiều nghi vấn nhưng không biết hỏi ai mà thôi. Nếu hỏi các Thầy Đại Thừa và các Thiền Sư Đông Độ thì họ bảo rằng: **“Chẳng muội nhân quả”** như Tổ Bách Trượng đã dạy: **“Trong câu chuyện Bách Trượng đã hổ”**.

Tóm lại, đoạn kinh này do các Tổ biên soạn viết ra để thêm vào trong kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc kinh sách Nguyên Thủy để nói lên thuyết nhân quả định mệnh là của Phật giáo Đại Thừa. Nhưng thuyết nhân quả định mệnh này là của Bà La Môn Ấn Độ và của Thiền Tông Trung Hoa. Người tu hành dù có chứng đạo cũng không làm chủ nhân quả chỉ chẳng muôi nhân quả mà thôi.

Do không hiểu luật nhân quả thiện pháp chuyển ác pháp nên tưởng ra thuyết định mệnh nhân quả, khiến cho biết bao nhiêu người hiểu sai lạc.

Vì hiểu như vậy nên các Tổ mới biên soạn viết đoạn kinh trên đây để thêm vào làm cho sáng tỏ thuyết định mệnh, nhưng không ngờ vô tình lại phỉ báng Phật.

Tóm lại, đoạn kinh trên đây không phải Phật thuyết mà do các Tổ thuyết. Cho nên, đoạn kinh này hoàn toàn mâu thuẫn với tinh thần giáo pháp của Phật. Xin các bạn lưu ý mà hãy cảnh giác những đoạn kinh như vậy thường xen vào kinh sách Nguyên Thủy để dìm Phật giáo.

MẮT CHƯ THIÊN

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới, tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến 12 do tuần chung quanh. Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà thuộc giòng họ Mallà, không có một chỗ nào nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên Thần có uy lực tụ họp. Này Ananda, các vị Thiên Thần đang than phiền: “Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai, bậc A La Hán Chánh đẳng giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỳ kheo có oai lực này lại đứng ngay trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng”. Này Ananda, các chư Thiên đang than phiền như vậy”. (Kinh Trường Bộ tập 1 trang 642, kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Độc đoạn kinh này lời văn và phong cách viết văn giống như trong kinh sách Đại Thừa. Đây là

một đoạn do các học giả sau này viết ra rồi đưa vào kinh Đại Bát Niết Bàn. Cho nên, hiện giờ kinh sách sai rất nhiều, vì trải qua nhiều lần kết tập kinh sách mỗi lần kết tập đều có thêm hay bớt ra từ kiến giải và tưởng giải của các học giả xen vào rồi mạo danh Phật thuyết.

Cái sai thứ nhất ở đoạn kinh này là mắt chư thiên mà giống như mắt phàm phu bị ngăn che bởi không gian và thời gian. Mắt chư Thiên không còn bị không gian ngăn cách và trải dài. Thế mà ở đây đức Phật phải đuổi thị giả cũ của mình là đại đức Upanāra để cho chư Thiên chiêm ngưỡng Phật: ***“Lúc bấy giờ, Tôn giả Upanara đứng trước mặt Thế Tôn và quạt hân. Thế Tôn liền quở trách Tôn giả Upnavara: “Này Tỳ kheo, hãy đứng một bên chỗ có đứng trước mặt Ta”.***

Hành động đuổi Tỳ kheo Upanāva là đức Phật còn thiên vị chư Thiên mà xem rẻ đệ tử của mình. Trong khi đức Phật sắp nhập Niết Bàn, một vĩ nhân của nhân loại thì loài người là những người ưu tiên được chiêm ngưỡng gần Phật nhất, có sao Phật lại đuổi con người? Chính đạo Phật ra đời vì con người, chứ không phải vì chư Thiên. Cho nên, bốn chân lý của Phật giáo là bốn chân lý của loài người, điều này không thể ai chối cãi được. Đó là cái sai của Đại Thừa khéo tưởng tượng chư Thiên mà con mắt như phàm phu tục tử, bị ngăn cách và trải dài bởi không gian và thời gian.

Kính thưa các bạn! Các bạn nên lưu ý những lời của các Tổ khi thêm vào trong kinh sách Nguyên Thủy của Phật do tưởng giải của các Tổ, nên hiện giờ rõ nét thiếu chiều sâu đầy ảo tưởng, không thành thật, không cụ thể, rõ ràng. Thường là những lời dạy mơ hồ, trừu tượng không đúng như thật. Đây các bạn đọc đoạn kinh tưởng này của Đại Thừa đang xen lẫn trang kinh Nguyên Thủy ***“Này Ananda, các cây Sa la long thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa này rơi lên gieo khắp và tung rải trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandāvara từ trên hư không rơi xuống rơi lên, gieo khắp và tung rải trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên gieo khắp và tung rải trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không thổi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên la trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai”.***

Các bạn lưu ý đoạn kinh này, đây là một đoạn kinh tưởng của Đại Thừa thêm vào, đây là sự tưởng tượng cúng dường. Trong kinh Pháp Môn Căn Bản, đức Phật đã xác định không có cõi Trời, cõi Trời chỉ là cõi tưởng chứ không có thật. Vậy mà ở đây lại có hoa Trời, nhạc Trời cúng dường thì trái với kinh sách quá lớn. Vậy sự cúng dường này có đúng không?

Trong giới luật Phật cấm ca, hát, nhạc, kịch. Vậy mà ở đây lại có nhạc Trời cúng dường. Trong khi đức Phật khuyên đệ tử của Ngài luôn tinh tấn nghiêm trì giới luật, ngày đêm tinh cần tu tập để kết thành năm thứ hương dâng lên cúng dường Phật là: ***HƯƠNG GIỚI, HƯƠNG ĐỊNH, HƯƠNG HUỆ, HƯƠNG TRI KIẾN GIẢI THOÁT VÀ GIẢI THOÁT TRI KIẾN HƯƠNG.*** Vậy mà ở đây lại cúng dường Như Lai bằng hương hoa Sa la song thọ, hương hoa Mandāvara và nhạc Trời tiếng ca hát của Thiên nữ cúng dường Như Lai. Đoạn kinh này có đúng không các bạn?

Các nhà Đại Thừa khéo tưởng tượng làm sai lệch giới luật đức hạnh của một bậc vĩ nhân nhân

loại, nhất là một con người đã từng sống Phạm hạnh đi ngược lại với đời sống phàm phu của con người, thế mà khi chết lại ma chay giống như người thế tục thì còn nghĩa lý gì là đạo giải thoát, đạo trí tuệ, đạo đức hạnh, đạo thiếu dục tri túc.

Đến đây chúng tôi xin các bạn suy xét để phá dẹp đi những tư tưởng kiến chấp sai lầm mà từ xưa đến nay trên 2000 năm đã bị một sự truyền thừa mê tín sai lệch của Đại Thừa đã ăn sâu vào cốt tủy của con người. Vì thế không thể trong một ngày, hai ngày, một năm, hai năm mà gọt rửa sạch những tư tưởng sai lầm này được. Các bạn nên ghi nhớ những lời dạy này.

BÁT THÁNH ĐẠO

LỜI PHẬT DẠY

“Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh Đạo, thời ở đấy không có đệ nhất Sa Môn, ở đấy không có đệ nhị Sa Môn, cũng không có đệ tam Sa Môn, cũng không có đệ tứ Sa Môn. Này subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh Đạo thời ở đấy có đệ nhất Sa Môn, đệ nhị Sa Môn, cũng có đệ tam Sa Môn, cũng có đệ tứ Sa Môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không Sa Môn. Này subhadda, nếu những vị Tỳ kheo này sống chân chánh, thời đại này không vắng những vị A La Hán”.

(Kinh Trường Bộ tập I trang 659, kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Lời di chúc cuối cùng này đã xác định Chánh pháp của đức Phật là Bát Chánh Đạo, ngoài Bát Chánh Đạo ra thì không có pháp môn được gọi là giáo pháp của đức Phật. Bởi vì Bát Chánh Đạo là một chân lý trong bốn chân lý của Phật giáo.

Như các bạn đã biết chúng tôi đã xác định Bát Chánh Đạo là tám lớp học của Phật giáo được chia theo ba cấp Giới, Định Tuệ. Như vậy Bát Chánh Đạo là chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả cho mỗi người để biến cuộc sống thế gian này thành cõi Cực Lạc, Thiên Đường. Cho nên, đức Phật dạy người đệ tử cuối cùng của mình trước giờ nhập Niết Bàn là bài pháp này.

Tất cả giáo pháp của ngoại đạo ngay cả kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông cũng không có Bát Thánh Đạo, thậm chí còn có Tâm Kinh Bát Nhã dạy: ***KHÔNG CÓ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO*** (Vô khổ, tập, diệt, đạo). Cho nên, hằng ngày trong các chùa thường tụng kinh ***“Vô khổ, tập, diệt,***

đạo". Ngược lại, kinh sách Nguyên Thủy dạy: **"Nếu pháp luật nào không có Bát Chánh Đạo là không có Sa Môn đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và đệ tứ"**. Chỉ một đoạn kinh cũng đủ xác định kinh sách Đại Thừa không phải là kinh sách của Phật giáo.

Kinh sách Nguyên Thủy phần đông trong những bài kinh như thế này đã xác định và phân biệt rõ ràng pháp nào của Phật và pháp nào của ngoại đạo, không thể lẫn lộn nhau được. Như đã nói ở trên giáo pháp của Phật là một chương trình giáo dục đào tạo những bậc A La Hán, chứ không phải là những ngôn thuyết suông như những kinh sách tưởng giải. Cho nên, người nào đã tu học theo đúng Chánh pháp của Phật giáo theo chương trình Bát Chánh Đạo, chỉ qua lớp Chánh Kiến thôi thì cũng cái nhìn chân chánh không bao giờ bị kinh sách ngoại đạo xen vào lừa đảo được.

Theo chúng tôi khuyên mọi người tu học theo Phật giáo thì nên dựa vào Bát Chánh Đạo và phải được sự hướng dẫn của một bậc Thầy đã tu chứng quả A La Hán, thì con đường tu tập sẽ được dễ dàng hơn, không còn khó khăn và không sợ lừa đảo tu sai lệch vào pháp môn của ngoại đạo.

Chúng tôi ước nguyện ngày mai sẽ có chương trình giảng dạy trong tám lớp học này thành lập và mở cửa đón nhận những người con thân thương của Phật giáo về tu học. Chừng đó, Phật giáo mới được chấn chỉnh hoàn toàn, tà pháp không xen lẫn vào kinh sách của Phật được nữa. Đó là ước vọng của chúng tôi, nhưng ngày mai có thành tựu được hay không là do phước của chúng sanh, riêng chúng tôi sẽ cố gắng làm hết sức mình để đền đáp công ơn muôn một của đức Phật.

Bát Chánh Đạo là chân lý của loài người, là phương pháp triển khai cuộc sống trên thế gian trở thành cảnh giới Thiên Đàng, Cực Lạc v.v.. là chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả của con người để trở thành những bậc A La Hán (vô lậu) hoàn toàn.

Bởi vậy, Bát Chánh Đạo là báu vật vô giá nhất của loài người. Khi năm anh em Kiều Trần Như được nghe Phật thuyết bài pháp này lần đầu tiên. Khi nghe xong cả năm người đều trở thành những bậc pháp nhãn thanh tịnh, có nghĩa là các Ngài đã thấu rõ các pháp trên thế gian này như thật không còn một sự hiểu lầm lạc nào cả, không còn có một tôn giáo nào, một giáo pháp nào lừa đảo các Ngài được. Bao nhiêu kiến chấp những pháp môn của ngoại đạo từ xa xưa như kinh Vệ Đà các Ngài đều ném bỏ xuống hết. Vì thế, các Ngài mới được gọi là chứng pháp nhãn thanh tịnh.

Kính thưa các bạn! Chúng tôi đã vạch cái sai của của những kinh sách phát triển sau thời đức Phật. Có chứng cứ lời Phật dạy hắc hoi, để dựng lại giáo pháp đúng của Phật. Đó là Bát Chánh Đạo. Một chương trình giáo dục đào tạo những bậc A La Hán. Thế mà các bạn chưa chịu nhận ra sao? Hôm nay, đoạn kinh này lời di chúc cuối cùng của đức Phật: **"Trong giáo pháp và giới luật nào không có Bát Chánh Đạo thì không có Sa Môn"**. Lời xác định này rõ ràng không còn ai chối cãi được. Lời dạy trên có nghĩa là trong giáo pháp và giới luật nào không có Bát Chánh Đạo là không có đệ tử của Ta.

Chữ Sa Môn có nghĩa là những người tu theo Phật giáo. Khác với Bà La Môn là những người tu

theo ngoại đạo.

Trong đoạn kinh này Sa Môn chỉ cho những người đệ tử của Phật, chứ không phải Sa Môn giành riêng cho tu sĩ, các bạn đừng hiểu sai, nên hiểu chữ Sa Môn là chỉ chung trong giới đệ tử của Phật. Chúng đệ tử của Phật gồm có:

- 1- Cư sĩ nam Sa Môn thứ nhất.
- 2- Cư sĩ nữ Sa Môn thứ hai.
- 3- Tu sĩ nam Tăng Sa Môn thứ ba.
- 4- Tu sĩ nữ Ni Sa Môn thứ tư.

Từ xưa đến nay người ta hiểu hai chữ Sa Môn là những chữ dành riêng cho giới tu sĩ (Tăng, Ni). Nhưng trong đoạn kinh này đã xác định chương trình tu học Bát Chánh Đạo mới có Sa Môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư. Như vậy Sa Môn là chỉ cho những người đệ tử của Phật, do đó giáo pháp và giới luật nào có Bát Chánh Đạo thì mới có đệ tử của Phật, còn giáo pháp và giới luật nào không có Bát Chánh Đạo là không có đệ tử của Phật. Như vậy giáo pháp Mật tông, Tịnh Độ tông, Pháp Hoa tông, Thiền tông có Bát Chánh Đạo không?

Cho nên, giáo pháp và giới luật nào không nằm trong chương trình Bát Chánh Đạo thì làm sao gọi là giáo pháp của đức Phật được.

Tóm lại, bài kinh này đã xác định giáo pháp của Phật là giáo pháp Bát Chánh Đạo rất rõ ràng. Vậy mong các bạn hãy suy ngẫm đúng đắn, đừng để rơi vào tà kiến của các Tổ Sư, đừng ngoan cố sẽ dẫn mình đi vào con đường sai lầm. Uống phí cả một đời tu theo Phật giáo mà không nếm được mùi vị giải thoát của Phật giáo, Thật quá uổng!

TẨM LIỆM NĂM TRĂM LỚP VẢI

LỜI PHẬT DẠY

***“Rồi những người Mallà ở Kusinara
vấn tròn thân Thế Tôn với vải mới,
sau khi vấn vải mới xong, lại vấn
thêm với vải gai bện. Sau khi vấn với
vải gai bện lại vấn thêm với vải mới
và tiếp tục như vậy cho đến 500 lớp
cả hai loại vải”.***

*(Kinh Trường Bộ tập I trang 675, kinh Đại
Bát Niết Bàn)*

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy rất vô lý, khi sống đức Phật giữ hạnh ba y một bát, thiếu dục tri túc, lượm vải bỏ làm y áo mặc, đến khi chết thì lại tiêu phí một cách ghê gớm. Một thân Phật như vậy làm sao quần 500 lớp vải. Năm trăm lớp vải là một đồng vải ghê gớm. Chúng tôi

không thể nào tưởng tượng được một vị Phật thường tuyên bố, thân ngũ uẩn này là bất tịnh, là vô thường, là khổ đau, là một vật không có giá trị, là một vật đồ bỏ, thế mà khi chết phải tẩm liệm như một nhà vua. Đời sống của Phật thì xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, đến khi chết thì xem thân quý trọng như thân của một hoàng đế (Chuyển Luân Thánh Vương). Những việc làm này có đúng mục đích xả phú cầu bần của đạo Phật không?

Xin thưa cùng các bạn! Các bạn hãy cùng chúng tôi vào Niết Bàn hỏi Phật. Đoạn kinh này có phải Phật dạy cách tẩm liệm Phật như vậy không? Hay đời sau bày vẽ rồi gán cho Phật. Một bài kinh mà viết như vậy có đúng là kinh sách của Phật không? Đạo Phật là đạo buông xả, buông xả sao mà dính mắc như vậy, chết phải làm đám tang như vậy. Cách thức an táng này không đúng tinh thần xả phú cầu bần của Phật giáo chút nào. Vậy đoạn kinh này ai đã thêm vào? Đoạn kinh này đã làm mất ý nghĩa giải thoát của đạo Phật. Xin các bạn lưu ý: “*Đừng có tin! Đừng có tin vào kinh sách...*”. Đó là lời dạy của đức Phật đã nhắc nhở chúng ta. Các bạn còn nhớ không?

Đem vải vắn thân Phật 500 lớp là một hành động phí phạm mồ hôi nước mắt của loài người quá lớn. Đây là một hành động của vua chúa, chứ không phải là một hành động của một bậc Thánh A La Hán đã ra khỏi thế gian, đầy ô nhiễm và uế trược này.

Đạo Phật sống xả bỏ thân mạng này xem nó như là một ổ bệnh tật, như là một nghiệp khổ đau, như là một vật đáng ném bỏ như chiếc giày rách.

Thưa các bạn! Những người còn đầu óc phong kiến, tư tưởng giai cấp thống trị của vua chúa mới có sự chết tẩm liệm thi hài như vậy. Còn đức Phật là một nhà cách mạng tư tưởng ban bằng giai cấp thống trị xã hội thì không lý nào khi chết Ngài còn theo tục lệ của vua chúa tẩm liệm hay sao? Như chúng ta đều biết tư tưởng của đức Phật là tư tưởng vô giai cấp, sống bình đẳng. Mọi người đều có quyền sống tự do bình đẳng như nhau, không ai được quyền xem nhẹ người khác. Thế mà việc tẩm liệm thân đức Phật không còn bình đẳng nữa, Như vậy các bạn đọc đoạn kinh này có thấy đúng là lời Phật thuyết chăng?

Đọc đoạn kinh này chúng tôi thấy rằng: Đây là các Tổ viết ra rồi đưa vào để làm cho kinh sách Phật mất tư tưởng vô giai cấp, biến giáo pháp của Phật mất giá trị nhân bản - nhân quả sống không còn bình đẳng, luôn luôn làm khổ mình, khổ người. Đoạn kinh này đã phỉ báng Phật giáo quá nặng, không còn có hành động nào phỉ báng hơn.

Thưa các bạn! Những điều chúng tôi ghi nhận ra đây mong các bạn lưu ý: Tất cả kinh sách Phật hiện giờ, số kinh sách phát triển Đại Thừa chúng tôi không nói đến vì kinh sách Đại Thừa hoàn toàn không phải Phật thuyết. Chúng tôi nói ở bài này là chỉ nói đến những kinh sách Nguyên Thủy. Vậy mà các Tổ còn dám thêm bớt rất nhiều làm sai lệch lời dạy của đức Phật, khiến cho người sau nghiên cứu đều phải nghi ngờ, nhưng không dám nói ra.

Điều chắc chắn là những giáo pháp của Phật hiện giờ, nếu không có người tu chứng chân lý thì không tài nào hiểu được những điều sai trái trong kinh sách phát triển! Rồi cứ dựa vào đó tu hành sai lạc thì làm sao đi đến kết quả làm chủ được sanh, lão, bệnh, tử – giải thoát luân hồi đau khổ.

PHÁP VÀ LUẬT LÀ VỊ ĐẠO SƯ

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, nếu trong các Người có người nghĩ rằng: “Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa, chúng ta không có Đạo sư. Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, pháp và giới luật Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ chính pháp và giới luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người”.

(Trường Bộ Kinh tập I trang 662, kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Lời di chúc trên đây là một lời tâm huyết nhất của đức Phật đối với các đệ tử của mình. Lời di chúc này muôn đời muôn kiếp, bao nhiêu thế hệ về sau, nếu ai còn theo Phật giáo tu hành thì lời di chúc này phải mãi mãi được ghi khắc trong tâm **“GIỚI LUẬT VÀ GIÁO PHÁP LÀ THẦY CỦA CHÚNG TA”**. Cho nên, lúc nào chúng ta cũng có bậc Đạo Sư chỉ dạy tu hành không sợ sai đường lạc lối. Bậc Đạo Sư ấy không bao giờ có tưởng giải, kiến giải làm sai lệch giáo pháp của Phật; bậc Đạo Sư ấy là Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo là kim chỉ Nam. Như đoạn kinh trên đức Phật đã dạy: **“Giáo pháp và giới luật nào có Bát Chánh Đạo mới là giáo pháp và giới luật của Ta, còn ngoài ra là không phải”**.

Bởi vậy Bát Chánh Đạo là chương trình giáo dục đào tạo những bậc A La Hán, đó là bậc Đạo Sư của bao nhiêu thế hệ con người về sau.

XÁ LỢI CHỈ LÀ NHỮNG XƯƠNG Vụn

LỜI PHẬT DẠY

“Dân chúng Mạt la bảo nhau: Ngọn lửa cháy mạnh quá khó dập tắt, e cháy tiêu hết xá lợi! Chúng ta phải lấy nước ở đâu để tưới? Lúc đó có một vị thần Ta La hết lòng tin Phật đang hầu một bên, dùng thần lực làm tắt ngọn lửa”.

(Kinh Trường A Hàm tập 1 trang 228-229, kinh Du Hành)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy rõ ràng xá lợi chỉ là những mảnh xương vụn đốt cháy còn lại, chứ không phải do tu tập thiền định mà tủy trong thân đông lại thành xá lợi.

Khi thân tứ đại của Phật đốt cháy thì người ta phải tưới nước hoặc dùng thần lực làm cho tắt lửa để lấy được xá lợi, chia cho tám nước xây tháp thờ, như vậy rõ ràng là những mảnh xương chưa cháy hết còn vụn nhờ tạt nước mới tắt lửa.

Như vậy xá lợi là những mảnh xương vụn chưa cháy hết thì đâu có gì quý báu như các Tổ đã tán dương xá lợi, nào là do tu thiện định mới có; nào là do tu chứng quả mới có. Như vậy đức Phật có chứng đạo không, mà phải tạt nước tắt lửa để lấy xá lợi. Chứng đạo như các Tổ thì cần gì phải tắt nước, xá lợi của các Tổ làm sao cháy được?

Kính thưa các bạn! Trong cuộc đời này, có nhiều người dựa lưng vào tôn giáo bày vẽ ra đủ điều để lừa đảo mọi người bằng cách tạo ra những hiện tượng siêu hình hoặc nói úp úp mở mở làm như vậy để mọi người biết đó là chân lý, đó là linh thiêng của Thần, Thánh, Tiên, Phật, quý, ma v.v..

Với mảnh xương vụn uế trước bất tịnh đã trở thành những vật quý báu vô giá. Thật là buồn cười cho những ai có mắt như mù không thấy như thật.

KHÔNG TÁNH

LỜI PHẬT DẠY

“Thật vậy, này Ananda, điều ông đã nghe là nghe đúng, thọ trì đúng, thuở xưa và nay. Này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 292, kinh Tiểu Không)

CHÚ GIẢI:

Kính thưa các bạn! Đọc đoạn kinh trên đây các bạn cần phải hiểu hai từ Không Tánh. Vậy Không Tánh nghĩa là gì?

Từ xưa đến nay chúng ta thường chịu ảnh hưởng nghĩa lý của Đại Thừa về tánh không. Tánh không của Đại Thừa có nghĩa Chân Không diệu hữu, Trí Tuệ Bát Nhã ***“Sắc tức thị không, không tức thị sắc”***.

Cho nên, khi gặp không tánh của Nguyên Thủy thì mấy ai dám hiểu nghĩa khác. Do nhân duyên này chúng tôi sẽ giảng bài kinh Tiểu Không để các bạn hiểu đúng nghĩa của Phật dạy, không còn bị ảnh hưởng tư tưởng, tưởng giải của các Tổ Đại Thừa nữa.

Khởi duyên của bài kinh này là do ông A Nan hỏi Phật: ***“Bạch Thế Tôn con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được ghi nhớ trước mặt Thế Tôn: “Này A Nan, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều”, phải chăng bạch Thế Tôn điều con đã nghe là đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng”***.

Lúc bấy giờ đức Phật trả lời ông A Nan mà chúng ta giảng bài kinh này làm tiêu đề cho bài

pháp hôm nay.

Chúng tôi xin nhắc lại đoạn kinh này một lần nữa để các bạn lưu ý. **“Thật vậy, này A Nan, điều ông đã nghe là nghe đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng, thuở xưa và nay, này A Nan Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều”**. Trong câu này chúng ta phải hiểu xưa kia trong lúc đang tu tập đức Phật cũng nhờ an trú trong không này, đến nay thành tựu được chánh pháp, tức là đức Phật đã chứng đạo, nhưng vẫn an trú thường xuyên rất nhiều trong không ấy.

Đây là ý nghĩa của đoạn kinh này. Nhưng cái khó hiểu là ở không tánh này. Vậy không tánh này là gì?

Trong kinh Tiểu Không đức Phật đã đưa ra nhiều ví dụ để mọi người dễ hiểu, nhưng trước khi giải thích những ví dụ này chúng tôi xin các bạn lưu ý và phải hiểu cho rõ ràng mục đích của đạo Phật. Vậy mục đích của đạo Phật là gì?

Theo trong kinh sách Nguyên Thủy thì chân lý thứ ba là mục đích của đạo Phật. Một mục đích mà người tu tập nào cũng cần phải đạt cho bằng được. Mục đích đó là **“Diệt Đế”**. Diệt đế là một trạng thái diệt hết nguyên nhân sinh ra mọi thứ khổ đau, cho nên khi nào chúng ta tu tập đoạn diệt hết tâm dục tức là diệt hết lòng ham muốn, diệt hết lòng tham muốn tức là tâm bất động. Tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ tức là vô tướng tâm định. Trong vô tướng tâm định không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Do ba lậu hoặc này không có nên gọi là vô tướng tâm định. Vô tướng tâm định tức là tâm không phóng dật. Cho nên, đức Phật dạy: **“Ta thành Chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”**. Tâm không phóng dật tức là tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Tâm thanh thản, an lạc và vô sự tức là tâm không động hay gọi **“không tánh”**. Không tánh tức là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, chứ không phải không tánh là **“Tánh không”**. Các bạn đừng hiểu lầm như các Tổ. Ở đây Phật không nói Tánh không như trong kinh Đại Bát Nhã của Đại Thừa. Trong đoạn kinh trên đây đức Phật đã dạy: **“Thật vậy, này A Nan, điều ông đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng, thuở xưa và nay. Này A nan, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều”**. An trú **“KHÔNG”** của Phật giáo không có nghĩa là Tánh không, Chân không, Trí Tuệ Bát Nhã Ba La Mật. Chữ **KHÔNG** có nghĩa không chướng ngại pháp, tức là không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Dó đó, chữ **KHÔNG TÁNH** phải hiểu nghĩa đúng đắn theo Tứ Diệu Đế, chứ không thể hiểu nghĩa theo kiểu Đại Thừa và Thiền Tông. Không tánh là tánh không, là Phật tánh là sai.

Vậy các bạn hãy lắng nghe đức Phật định nghĩa chữ không tánh: **“Ví như lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không phải không, tức là sự nhất trí do duyên chúng Tỳ kheo; cũng vậy, này A Nan, Tỳ kheo không tác ý thôn tượng, không tác ý nhân tượng, chỉ tác ý sự nhất trí, do duyên lâm tượng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú hướng đến lâm tượng. Vị ấy tuệ tri như sau: “cái ưu phiền do duyên thôn tượng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên nhân tượng không có mặt ở**

đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng”. Vị ấy tuệ tri: “Loại tưởng này không có thôn tưởng”. Vị ấy tuệ tri: “Loại tưởng này không có nhân tưởng. Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng”. Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có”. Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có không điên đảo, sự thật là hoàn toàn thanh tịnh, không tánh”.

Đọc đoạn kinh này các bạn có hiểu không? Chúng tôi xin trích ra từng đoạn ngắn, ở lầu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn ông đàn bà tụ hội, ý đoạn kinh này đức Phật muốn nói gì? Đức Phật nói trong lầu đài Lộc Mẫu này nếu có voi bò ngựa cái, vàng bạc, đàn ông, đàn bà tụ hội thì không yên lặng, gây ra ồn náo và chướng ngại khiến tâm bất an, còn nếu không có những loài vật này thì cảnh xung quanh lầu Lộc Mẫu này sẽ yên lặng không gây ồn náo và chướng ngại khiến tâm được yên lặng và bất động, nên Phật dạy: **“chỉ có một cái không phải không”,** cái không phải không này là cái có mà không làm chướng ngại tâm, cho nên không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, vàng bạc, đàn ông đàn bà tụ hội thì trong lầu đài Lộc Mẫu này yên lặng bất động. Có đúng như vậy không các bạn? Như vậy không tánh là chỗ bất động tâm, chứ không phải là tánh không.

Các bạn hãy lắng nghe đoạn kinh tiếp: **“Này Ananda, Tỳ kheo không tác ý thôn tưởng, không tác ý nhân tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên lâm tưởng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, an trú hướng đến lâm tưởng, vị ấy tuệ tri như sau: cái ưu phiền do duyên thôn tưởng không có mặt ở đây; cái ưu phiền do duyên nhân tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng”.**

Đoạn kinh này xác định không tánh theo từng đối tượng của lầu đài Lộc Mẫu, ở đây đức Phật nêu đối tượng thứ nhất không tánh của lầu đài Lộc Mẫu là không có voi, ngựa, ngựa cái, không có vàng bạc, không có đàn ông, đàn bà v.v.. mà đức Phật gọi chung danh từ này là thôn tưởng, là nhân tưởng. Thôn tưởng có nghĩa là voi, bò ngựa cái, vàng bạc, còn nhân tưởng là đàn bà, đàn ông v.v..

Nếu có những vật này ở trong lầu Lộc Mẫu thì làm sao gọi là không động được. Phải không các bạn? Nếu có vật này thì sẽ làm động tâm chúng ta vì chúng là chướng ngại của tâm. Cho nên, đức Phật bảo: **“Cái ưu phiền do duyên thôn tưởng và nhân tưởng không có mặt ở đây, và này Ananda cái này đối với vị ấy là thật có như vậy không điên đảo, sự thật hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh”.**

Đến đây các bạn đã hiểu không tánh rồi chứ. Không tánh chỉ là tâm bất động, nhưng bất động đối với thôn tưởng và nhân tưởng chứ không phải bất động hết các pháp, vì thế chỉ còn có một ưu phiền này tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng.

Vậy lâm tưởng nghĩa là gì?

Lâm tưởng là rừng cây chung quanh lầu đài Lộc Mẫu, vì có rừng cây nên còn có những chướng

ngại trong tâm. Cho nên, đoạn kinh dạy: **“Chỉ còn có một ưu phiền này tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng”**.

Như vậy không tánh không có nghĩa là không có, mà cũng không có nghĩa là chân không, tánh không v.v.. như nghĩa của các nhà Đại Thừa.

Không tánh có nghĩa là không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứ không phải tánh không của trí tuệ Bát Nhã. Ở đây, nếu các bạn không hiểu rõ mục đích của đạo Phật là chỗ bất động tâm trước ác ác pháp và các cảm thọ, nếu các bạn hiểu khác nghĩa bất động này, là các bạn đã hiểu sai lệch bài kinh trên đây.

Đức Phật dạy: **“Thuở xưa và nay, này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều”**. Thuở xưa có nghĩa là lúc mới bắt đầu tu tập đức Phật cũng phải tu tập an trú chỗ bất động tâm này. Đến nay khi tu tập đã xong đức Phật cũng bảo: **“Nên nay an trú rất nhiều”**. An trú rất nhiều tức là luôn luôn đức Phật sống với tâm bất động khi đã tu chứng đạo.

Vậy chúng ta hãy nghe tiếp Phật dạy: **“Cũng vậy, này Ananda, Tỳ kheo không tác ý đối với tất cả những vật gì trên đất này, đất khô, vùng lầy, sông và vùng lầy, các cây có thân và có gai, núi và đất bằng, vị ấy tác ý sự nhất trí do duyên địa tưởng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan an trú, hướng đến địa tưởng vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên nhân tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên lâm tưởng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên địa tưởng, vị ấy tuệ tri như sau: loại tưởng này không có nhân tưởng, vị ấy tuệ tri, loại tưởng này không có lâm tưởng và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên địa tưởng” và cái gì không có mặt ở đây vị ấy xem cái ấy là không có, nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “cái kia có, cái này có”. Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có không điên đảo, sự thật hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh”**.

Đoạn kinh trên chỉ còn lâm tưởng là chướng ngại làm cho tâm ưu phiền nhưng lại xả bỏ thôn tưởng, nhân tưởng và lâm tưởng nên tâm bất động được các đối tượng này, nhưng lại bị chướng ngại địa tưởng.

Trên đây là một pháp môn loại trừ các lậu hoặc, các chướng ngại pháp và làm cho tâm bất động.

Điều ở đây các bạn nên lưu ý đó là những loại tưởng được loại trừ lần lượt:

- Đầu tiên loại trừ tưởng trong ngôi lầu đài Lộc Mẫu này là thôn tưởng và nhân tưởng.
- Loại trừ lần thứ hai là lâm tưởng.
- Loại trừ lần thứ ba là địa tưởng.
- Loại trừ lần thứ tư là không vô biên xứ tưởng.
- Loại trừ lần thứ năm là thức vô biên xứ tưởng.

- Loại trừ lần thứ sáu là vô sở hữu tướng.
- Loại trừ lần thứ bảy là phi tướng phi phi tướng xứ tướng.

Như vậy, tất cả những loại tướng này đã được loại trừ. Khi loại trừ xong các loại tướng thì còn lại một cái đó là vô tướng tâm định. **“Này Ananda, vị Tỳ kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, tác ý sự nhất trí do duyên vô tướng tâm định”**.

Bây giờ các bạn đã hiểu rõ không tánh là vô tướng tâm định tức là tâm không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Tâm không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu là tâm bất động. Đó là mục đích của đạo Phật do ly dục ly ác pháp, chứ không phải Tánh Không, Chân Không Diệu Hữu, Trí Tuệ Bát Nhã. Kinh Tiểu Không ở đây không có những nghĩa đó xin các bạn chú ý hiểu lầm, làm lệch ý nghĩa của Phật pháp.

Khi tâm bất động như trên đã nói thì không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu thì tâm được giải thoát hoàn toàn, nên người ở trạng thái tâm bất động này liền hiểu rất rõ: **“Sanh đã tận Phạm hạnh đã thành, những việc làm nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa”**. Vô tướng tâm định này thật hữu vi, do tâm tự tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm tự tạo cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt”.

Đọc đến đoạn kinh này các bạn thấy đức Phật đã xác định rất rõ vô tướng tâm định vẫn là pháp hữu vi do tâm tư (ý thức) tạo nên cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt. Như vậy làm sao các bạn hiểu nó là Chân Không diệu hữu, Trí Tuệ Bát Nhã, Tánh Không. Những từ này trong kinh sách Đại Thừa chỉ cho Phật tánh là một pháp vô vi thường hằng bất biến. Nhưng ở kinh Tiểu Không này dạy **không tánh** là pháp hữu vi vô thường chịu sự đoạn diệt. Cho nên, kinh sách các bạn phải hiểu đúng nghĩa, đừng hiểu sai, vì chính hiểu sai mà các Tổ mới kiến giải, tưởng giải sinh ra kinh Đại Bát Nhã, mới có Chân Không Diệu Hữu, Bát Nhã Tâm Kinh. Tất cả những điều này chỉ là một ảo tưởng của kinh sách Đại Thừa, còn kinh Tiểu Không thì không có nghĩa đó. Không có nghĩa đó rất rõ ràng vì vô tướng tâm định, không tánh là một pháp hữu vi vô thường, chịu sự đoạn diệt.

Xin các bạn lắng nghe đoạn kể của kinh Tiểu Không này: **“Này Ananda, phàm có những Sa Môn hay Bà La Môn nào trong quá khứ sau khi chứng đạt, đã an trú cứu cánh vô tướng thanh tịnh không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều chỉ an trú cứu cánh vô tướng thanh tịnh không tánh này”**.

“Này Ananda, phàm có những Sa Môn hay Bà La Môn nào trong tương lai, sau khi chứng đạt sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt, sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này”.

“Này Ananda phàm có những Sa Môn hay Bà La Môn nào trong hiện tại sau khi chứng đạt và an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này, do vậy, này Ananda. Sau khi chứng đạt Ta sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh”.

Đoạn kinh trên đây đức Phật đã xác định rõ ràng và cụ thể. Người đang tu tập phải tu tập cho đạt được và an trú bất động tâm này. Người đã tu tập xong thì luôn luôn an trú bất động tâm này. Người sẽ tu tập là phải hướng đến an trú bất động tâm này. Và đức Phật đã tu tập xong, Ngài cũng đang an trú bất động tâm này.

Tóm lại, không tánh tức là tâm bất động. Tâm bất động là tâm ly dục ly ác pháp, đó là cứu cánh của Phật giáo, ngoài ra tất cả các pháp khác là tôn giáo ngoại đạo.

LÒNG TIN PHẢI CÓ CĂN CỨ

LỜI PHẬT DẠY

"Thưa tôn giả Gotama, câu chú thuật của các Tổ Bà La Môn, y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng Bà La Môn. Và ở đây các vị Bà La Môn chắc chắn đi đến kết luận: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm". Ở đây Gotama nói gì?

Nhưng này Bharadvaja, có một vị tôn sư nào giữa các Bà La Môn đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm"?

Thưa không, Tôn Giả Gotama!

Nhưng này Baharadvaja, có một tôn sư nào của các vị Bà La Môn, cho đến vị tôn sư của các vị tôn sư trở lui cho đến 7 đời. Các vị đại tôn sư đã nói như sau: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"?

Thưa không, Tôn Giả Gotama!

Như này Baharadvaja, có một tôn sư nào của các vị Bà La Môn, cho đến vị tôn sư của các vị tôn sư trở lui cho đến 7 đời. Các vị đại tôn sư đã nói như sau: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"?

Thưa không, Tôn Giả Gotama!

Nhưng này Baharadvaja thuở xưa những vị ẩn sĩ giữa các Bà La Môn, những các tác giả các chú thuật, những nhà tụng tụng của chú thuật, đã hát đã nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm như là Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vasrttha, Vessamitta, Yamataggi, Angirase, Bharadvaja, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm"?

Thưa không, Tôn Giả Gotama.

Này Bharadvaja. Ta nghĩ rằng lời nói của các Bà La Môn, cũng giống như một chuỗi người mù, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cũng không thấy. Này Bharadvaja, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, có phải lòng tin của các vị Bà La Môn trở thành không căn cứ?"

(Kinh Trung Bộ tập II trang 724, Kinh Canki)

CHÚ GIẢI:

Một thanh niên Bà La Môn tên là Kapathika hỏi đức Phật về một lòng tin vào Thánh tạng kinh điển chú thuật truyền thống từ xa xưa của Bà La Môn: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”**. Và Tôn giả Gotama nói gì về vấn đề này?

Khi được hỏi câu này đức Phật trả lời bằng một câu hỏi khác ngay với những vị Bà La Môn hiện có mặt tại cuộc họp này.

Các vị có ai dám xác định rằng: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”**.

Tất cả các vị Bà La Môn đều im lặng không ai dám trả lời, chỉ có Ba La Môn Bharadvaja là người có uy tín nhất trong các vị Bà La Môn nên đại diện trả lời.

- **“Thưa không, Tôn giả Gotama”**.

Ở đây các bạn nên hiểu câu hỏi của đức Phật rất quả quyết và mạnh mẽ về Thánh tạng Vệ Đà kinh của Bà La Môn đúng hoặc sai. Vì thế câu hỏi này có hai câu trả lời:

1- xác định

2- phủ định

Ở đây các bà La Môn không dám xác định mà trả lời phủ định vì trả lời phủ định là thành thật.

Nếu trả lời xác định: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này”** thì đức Phật sẽ hỏi: **“biết việc này như thế nào?”**.

Về vấn đề kinh tạng Vệ Đà, đức Phật đã thấu suốt kinh tạng chú thuật này chỉ là thuyết ngôn ngữ suông, chưa có một vị nào chứng đắc chân lý ấy, nên làm sao biết đâu trả lời cho chính xác. Nếu trả lời biết thấy mà không chính xác rõ ràng thì đức Phật bác bỏ. Mục đích của kinh Vệ Đà là những lý luận mơ hồ, ảo tưởng không thực tế. Không cụ thể, nên làm sao lại dám bảo rằng: **“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”**? Cho nên, câu hỏi của đức Phật đơn giản nhưng trả lời rất khó khăn.

Ở đoạn kinh này chỉ có những người tu chứng đạo mới dám trả lời: **“Tôi biết việc này tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”**? Còn những người tu chưa chứng đắc chân lý thì không bao giờ dám nói lời này.

Câu hỏi của đức Phật: **“Có tôn sư vị Bà La Môn nào, dù cho đến 7 đời tôn sư và những vị Bà La Môn Tổ sư sáng tạo ra kinh sách Vệ Đà và chú thuật đã chứng được chân lý đó chưa?”**.

Do thấu suốt toàn bộ Thánh kinh Vệ Đà là một loại kinh tưởng không thực tế. Mục đích mơ hồ, ảo tưởng. Một chân lý không rõ ràng như vậy thì làm gì có người tu chứng đắc chân lý ấy? Do đó, đức Phật mới có câu hỏi: tôn sư bảy đời và những tôn sư sáng tạo ra kinh sách này có dám nói rằng: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này (tức là chứng đạo), chỉ đây là sự thật ngoài ra đều sai lầm?”**.

Người hỏi câu này là người đã chứng chân lí mới dám hỏi. Nếu chưa chứng chân lí thì không dám hỏi câu này. Tại sao vậy? Vì có chứng chân lí mới biết chân lí. Biết chân lí mới dám hỏi người khác.

Nghiệm xét qua đoạn kinh trên các bạn nhận xét về Thầy Thông Lạc. Tại sao Thầy Thông Lạc dám nói kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ sai? Nếu Thầy Thông Lạc tu hành chưa chứng được chân lí giải thoát của đạo Phật thì Thầy có dám nói kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông sai không? Nếu Thầy tu chưa chứng thì chỉ có thuyết giảng như các Thầy Đại Thừa mà thôi.

Vì thế, người tu chứng chân lí mới dám xác nhận pháp nào sai, pháp nào đúng. Ngày xưa đức Phật dám nói thẳng điều này, ngày nay Thầy Thông Lạc cũng vậy, khi tu chứng mới thấy được cái sai cái đúng

Trên hành tinh này loài người chỉ có bốn chân lí, bốn chân lí ấy phải chân thật, thực tế, cụ thể rõ ràng như chân lí của Phật giáo **KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO** mới thật là chân lí, dù mọi người tu chưa chứng đạo nhưng vẫn nhận thấy biết rõ ràng cụ thể, không có mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng.

Bởi vậy, kinh sách Đại Thừa sai là vì chân lí của Đại Thừa mơ hồ, ảo tưởng, trừu tượng cũng giống như kinh sách Vệ Đà của Bà La Môn. Lấy câu hỏi của Phật trong kinh Canki thuộc kinh Trung Bộ tập II mà hỏi các vị Hoà Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni tu theo kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông đã có ai chứng được chân lí giải thoát làm chủ 4 sự khổ đau; sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi chưa? Hay chỉ là chứng những chân lí ảo tưởng **“Phật tánh, Bản lai, Cực Lạc Tây Phương”** do chứng những chân lí ảo tưởng nên chẳng biết phương pháp nào chuyển bệnh, làm chủ sự sống chết rõ ràng, cụ thể v.v..

Phần đông đứng trước bệnh tật sống chết các Ngài chỉ khéo lí luận **“Chẳng muội nhân quả”** để che đậy và lừa đảo Phật tử. Càng tu hành thì càng phải trả nghiệp, dồn nghiệp v.v.. Chân lí của Phật là chân lí chuyển nghiệp, chứ đâu phải trả nghiệp, dồn nghiệp, nếu trả nghiệp, dồn nghiệp thì còn đâu là chân lí. Phải không các bạn?

Người chứng được chân lí của Phật giáo Nguyên Thủy đều thấy biết cái sai của Đại Thừa rất rõ ràng, nhờ có tu chứng như vậy mới dám nói: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm”**.

Đức Phật đã chứng đạt chân lí giải thoát thật sự. Vì thế, mới có bài kinh Canki lưu lại cho đến ngày nay, Ngài chỉ cho mọi người thấy chân lí của loài người chỉ có Tứ Diệu Đế. Tứ Diệu Đế gồm có: khổ, tập, diệt, đạo, ngoài ra không còn có chân lí nào khác nữa.

Một lần nữa đức Phật đã xác định trong kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc kinh Trường Bộ tập I, trang 659: **“Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Chánh Đạo thời ở đây không có Sa Môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư”**. Câu nói này có nghĩa là trong giáo pháp nào không có Bát Chánh Đạo thời giáo pháp ấy không có tu chứng giải thoát sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi như đã nói trên, còn giáo pháp nào có Bát Chánh Đạo thì giáo pháp ấy có tu chứng.

Cho nên, những vị Tổ Sư Tăng, Ni biên soạn và viết ra kinh sách Đại Thừa, không có vị Tổ Sư nào dám bảo rằng: Ta chứng được chân lí như đức Phật? Họ chỉ khéo lí luận bằng câu **“Người nào còn thấy mình tu chứng là chưa chứng”**. Thường các Tổ hay dùng câu: **“Vô sở đắc”**. Đó là lối che đậy lừa đảo tín đồ dễ nhất.

Không có vị Tổ sư nào dám nói: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”**.

Đọc hết kinh sách Đại Thừa các bạn không bao giờ thấy có lời dạy như trong kinh sách Nguyên Thủy. Ở đây trong kinh sách Nguyên Thủy các bạn thường thấy đức Phật và các vị đệ tử của Phật khi tu chứng thường tuyên bố: **“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa”**.

Kính thưa các bạn! Khi các bạn đọc kinh sách Đại Thừa có thấy vị Tổ sư nào dám to tiếng tuyên bố: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”** như trong kinh Nguyên Thủy này không?

Trong kinh sách Nguyên Thủy thường nhắc đến các vị chứng đạt chân lí tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ đều tuyên bố như Phật đã tuyên bố: **“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa”**. Khi đã tuyên bố như vậy là biết mình đã tu xong. Người đã tu xong mới dám nói câu này: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”**. Người nói như vậy mới thật sự là đệ tử của Phật. Khi tu chưa chứng thì thấy lỗi mình không thấy lỗi người, nhưng khi đã tu chứng thì không hèn nhát, không sợ hãi, dám nói thẳng nói thật như đức Phật ngày xưa. Đúng là nói đúng, sai là nói sai; không tư vị, không xu nịnh ai cả, cũng chỉ vì một mục đích duy nhất là bảo tồn Chánh pháp của Phật.

Hầu hết đệ tử của đức Phật trong kinh Nguyên Thủy, khi tu chứng đạt chân lí đều nói những lời trên đây. Vị đệ tử cuối cùng của đức Phật, lúc Phật sắp nhập Niết Bàn, khi nghe thuyết giảng xong liền buông xả sạch các pháp thế gian, chứng đạt chân lí, Ông đồng dạ tuyên bố trước mọi người và đức Phật: **“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời khác nữa”**.

Kính thưa các bạn! Từ khi có kinh sách Đại Thừa cho đến nay, các bạn chưa từng nghe các bậc tôn túc Tổ sư, từ người khởi sự biên soạn kinh sách Đại Thừa cho đến hiện nay các vị tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni đều đã học và tu tập giáo pháp kiến giải chưa có vị nào dám tuyên bố. **“Tôi đã tu chứng đạo, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt luân hồi”**. Chính vì con đường của Đại Thừa không thể tu chứng được, cho nên họ đâu dám nói: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”**.

Mục đích giải thoát của Đại Thừa mù mờ, ảo tưởng không rõ ràng, không cụ thể. Vì thế, các Thầy Đại Thừa giống như những người mù, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy và người cuối cũng không thấy. Cho nên đâu dám bảo: **“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời khác nữa”**. Riêng Phật giáo Nguyên Thủy khi chứng đạt đều nói câu này

mà còn dám nói: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”**. Không thấy mục đích giải thoát cho nên lòng tin của các Thầy Đại Thừa trở thành không có căn cứ. Nhưng lại muốn che đậy những điều sai lầm này nên các Tổ sư Đại Thừa bảo như trên đã nói: **“Ai thấy mình tu chứng đắc là chưa chứng đắc (vô sở đắc), chứng đắc không thấy mình đắc mới là chứng đắc”**. Lời dạy này là một lối lý luận khéo léo gian xảo. Từ đó về sau các Thầy Đại Thừa thường dùng những từ này **“vô sở đắc”**. Khi nghe ai nói chứng đắc. Cho nên, người Phật tử khó phân biệt người tu sĩ của Phật giáo tu chứng hay chưa tu chứng, còn xét về giới luật thì các Ngài lý luận: **“Hạnh trực thì đâu cần giữ giới”**. Cho nên **“Tự tại vô ngại đói ăn, khát uống, mệt ngủ”**. Do lý luận này nên mới có Nam Tuyền sát miêu, Lâm Tế chém rắn, Thượng Sĩ Tuệ Trung ăn thịt uống rượu và Tế Điền Hòa Thượng ăn thịt chó uống rượu li bì.

Giáo pháp tu hành phải đặt trọn lòng tin có căn cứ rõ ràng, cụ thể, thực tế, chứ không thể chỉ có lòng tin suông được. Nếu chỉ có lòng tin suông là lòng tin mù quáng. Từ lâu quý Phật tử đã đặt trọn lòng tin vào kinh sách Đại Thừa không căn cứ vững chắc. Kinh Đại Thừa là một loại kinh sách có một mục đích giải thoát mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng, không thực tế, không cụ thể. Cho nên, đức Phật dạy: **“Lời nói của các Bà La Môn cũng giống như chuỗi người mù, người trước không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Nay Bharadvaja, Người nghĩ thế nào? Có phải lòng tin của các Bà La Môn trở thành không có căn cứ?”**.

Xưa đức Phật chỉ vạch giáo pháp của Bà La Môn sai như vậy. Hiện giờ chúng tôi cũng vậy, vạch trần bộ mặt thật của Đại Thừa, từ bao lâu thế kỷ nay biết bao nhiêu thế hệ trẻ đã bị lừa, chẳng có ai tu hành ra gì. Chỉ toàn là tu danh, tu lợi, tu chùa to, Phật lớn, tu ăn tu ngủ. Thật là đau lòng. Phải không các bạn?

May ra chúng ta còn có những bài kinh Nguyên Thủy để so sánh, xác chứng kinh sách Đại Thừa là kinh sách của ngoại đạo lồng vào giáo pháp của đức Phật để lừa gạt tín đồ Phật giáo, biến tín đồ Phật giáo thành tín đồ ngoại đạo mê tín, lạc hậu, chỉ có tin một cách mù quáng, để làm tay sai cho những người đầu cơ tôn giáo làm giàu trên mồ hôi nước mắt của hàng ngàn tín đồ. Và thiêu hủy biết bao nhiêu tiền của do lòng mê tín của đồng bào cả nước cúng kính.

(còn tiếp)

Trích từ sách: **Những Lời Gốc Phật Dạy** - Tác giả: **Trưởng lão Thích Thông Lạc**